

Số: **1780** /UBND-KTN

Bình Định, ngày **20** tháng 5 năm 2013

V/v báo cáo kết quả hai năm rưỡi thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020”

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố

Để chuẩn bị nội dung báo cáo sơ kết hai năm rưỡi thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020”, UBND tỉnh yêu cầu Ban chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo tiến hành rà soát, đánh giá, báo cáo kết quả triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

1. Báo cáo sơ kết hai năm rưỡi thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến 2020 trên địa bàn. Nội dung báo cáo phải đánh giá nghiêm túc, khách quan, rút ra những mặt được, chưa được và nguyên nhân; đề xuất những chủ trương, cơ chế, chính sách và giải pháp khả thi trong thời gian đến.

2. Ban chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo rà soát, đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên toàn bộ các xã; so sánh kết quả đánh giá với kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng nông thôn thời điểm cuối năm 2010; Xác định cụ thể các tiêu chí đã đạt chuẩn và các tiêu chí chưa đạt chuẩn, nguyên nhân chưa đạt; xây dựng kế hoạch phân đấu đến 2015 để giữ vững các tiêu chí đã đạt chuẩn và hoàn thiện dần của các tiêu chí chưa đạt chuẩn, nêu rõ các nguồn lực, tiến độ thực hiện, đề xuất các giải pháp cụ thể; đối với nhóm xã thuộc diện hoàn thành xây dựng nông thôn mới đến năm 2015, xây dựng kế hoạch phân đấu và tập trung nguồn lực để hoàn thành các tiêu chí còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu xây dựng nông thôn mới. Những mục tiêu về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội và các nội dung khác không thuộc những nội dung đạt chuẩn tối thiểu xây dựng nông thôn mới thì đưa vào các kỳ kế hoạch tiếp theo, sau khi xã được công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

(Kèm theo biểu mẫu đánh giá thực trạng nông thôn mới)

Báo cáo gửi về Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30/5/2013 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

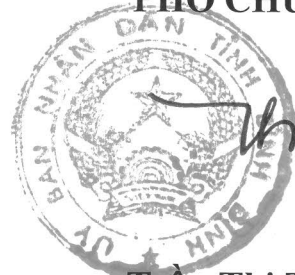
Yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT tỉnh ủy (b/c);
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Thị Thu Hà;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- Sở NN & PTNT;
- Lưu: VT, K19



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Thu Hà

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NÔNG THÔN
THEO 19 TIÊU CHÍ CỦA BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI
(Ban hành kèm theo Văn bản số 1780/UBND-KTN ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh)

Xã:

Huyện (TX, TP):

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá đối với vùng Duyên hải NTB	Năm 2010		Quý I/2013		So sánh (% thay đổi hiện trạng quý I/2013 so với năm 2010)	Giải pháp, nguồn lực	Dự kiến năm hoàn thành
				Hiện trạng đến 31/12/2010 (%)	So với Bộ tiêu chí	Hiện trạng đến quý I/2013 (%)	So với Bộ tiêu chí			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	QUY HOẠCH									
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, TTCN, dịch vụ	Đạt							
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới	Đạt							
		1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hoá tốt đẹp	Đạt							
II	HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI									
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%							
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	70%							
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa	100% (70% cứng hoá)							
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hoá, xe cơ giới đi lại thuận lợi	70%							
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt							
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố	50%							

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá đối với vùng Duyên hải NTB	Năm 2010		Quý I/2013		So sánh (% thay đổi hiện trạng quý I/2013 so với năm 2010)	Giải pháp, nguồn lực	Dự kiến năm hoàn thành
				Hiện trạng đến 31/12/2010 (%)	So với Bộ tiêu chí	Hiện trạng đến quý I/2013 (%)	So với Bộ tiêu chí			
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt							
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	98%							
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	80%							
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Nhà văn hoá và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt							
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hoá và khu thể thao thôn đạt quy định VH-TT-DL	100%							
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định	Đạt							
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông	Đạt							
		8.2. Có Internet đến thôn	Đạt							
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm dột nát	Không							
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	80%							
III	KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT									
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	16 tr.đồng							
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	5%							
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động	≥ 90%							
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có							
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt							
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (Phổ thông, bổ túc, học nghề)	85%							
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	> 35%							

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá đối với vùng Duyên hải NTB	Năm 2010		Quý I/2013		So sánh (% thay đổi hiện trạng quý I-2013 so với năm 2010)	Giải pháp, nguồn lực	Dự kiến năm hoàn thành
				Hiện trạng đến 31/12/2010 (%)	So với Bộ tiêu chí	Hiện trạng đến quý I/2013 (%)	So với Bộ tiêu chí			
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	≥ 70%							
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt							
16	Văn hoá	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hoá theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Đạt							
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia	85%							
		17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt							
		17.3. Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường	Đạt							
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt							
		17.5. Nước thải, chất thải được thu gom xử lý theo quy định	Đạt							
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ									
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt							
		18.2. Có đủ các tổ chức chính trị trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt							
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh"	Đạt							
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt							
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt							
Ghi chú : - Cột số (5) và số (7): ghi cụ thể khối lượng hiện trạng từng nội dung của tiêu chí so với Bộ tiêu chí của năm 2010 và quý I/2013.										
	- Cột số (6) và số (8): đánh giá kết quả thực trạng nông thôn so với quy định của bộ tiêu chí đạt hoặc chưa đạt (ghi theo từng nội dung của tiêu chí).									
	- Cột số (9): So sánh kết quả đánh giá thực trạng nông thôn của quý I-2013 so với kết quả năm 2010 (so sánh cụ thể từng nội dung của tiêu chí).									
	- Cột (10): Các giải pháp thực hiện và nguồn vốn đầu tư cần thiết để đạt mức chuẩn tối thiểu của tiêu chí									
	- Cột (11): dự kiến năm nào tiêu chí sẽ đạt chuẩn									